|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM**ĐỀ CHÍNH THỨC**Đề thi có 02 trang** | **KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019****Môn: ĐỊA – Lớp 11**Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ: 702** |

 |

**I. Phần trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Khí hậu cận nhiệt đới ẩm, gió mùa, mưa nhiều giúp Nhật Bản trồng loại cây chính nào sau đây?

**A.** Lúa gạo. **B.** Cà phê. **C.** Khoai tây. **D.** Dâu tằm.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

**Giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 2000 - 2016**

 (Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2001** | **2004** | **2009** | **2016** |
| Xuất khẩu | 479,2 | 403,5 | 565,7 | 581,0 | 645,0 |
| Nhập khẩu | 379,0 | 349,1 | 454,5 | 502,0 | 607,0 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện **tốc độ tăng trưởng** giá trị xuất, nhập khẩu của Nhật Bản giai đoạn 2000- 2016 thì loại biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Đường. **B.** Tròn. **C.** Cột. **D.** Kết hợp.

**Câu 3:** Nhật Bản tập trung vào các ngành công nghiệp hiện đại, kĩ thuật cao là do

**A.** có nguồn lao động trẻ, dồi dào. **B.** tốn ít nguyên liệu, lợi nhuận cao.

**C.** không đủ khả năng nhập khẩu. **D.** tài nguyên khoáng sản phong phú.

**Câu 4:** Quốc gia Đông Nam Á nào dưới đây **không** có đường biên giới với Trung Quốc?

**A.** Lào. **B.** Mi-an-ma. **C.** Việt Nam. **D.** Thái Lan.

**Câu 5:** Các ngànhcông nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm phát triển mạnh ở địa bàn nông thôn Trung Quốc nhờ dựa vào

**A.** lao động dồi dào, nguyên liệu sẵn có. **B.** thị trường tiêu thụ của nông thôn lớn.

**C.** cơ sở vật chất, kĩ thuật đảm bảo. **D.** đẩy mạnh kêu gọi, thu hút đầu tư.

**Câu 6:** Nhận định nào sau đây **không** chính xác về đặc điểm địa hình của Đông Nam Á lục địa?

**A.** Địa hình bị chia cắt mạnh. **B.** Có các đồng bằng phù sa màu mỡ.

**C.** Nhiều đồi, núi và núi lửa. **D.** Nhiều nơi núi ăn lan sát biển.

**Câu 7:** Đâu là hãng sản xuất ô tô của Nhật Bản ?

**A.** Ford. **B.** Huyndai. **C.** Toyota. **D.** Mercedec.

**Câu 8:** Quốc gia đông dân nhất khu vực Đông Nam Á

**A.** Mi-an-ma. **B.** Phi-lip-pin. **C.** Việt Nam. **D.** In-đô-nê-xia.

**Câu 9:** Vùng có rừng bao phủ phần lớn diện tích và dân cư thưa thớt là

**A.** Xi-cô-cư. **B.** Hôn-su. **C.** Hô-cai-đô. **D.** Kiu-xiu.

**Câu 10:** Nông sản nào dưới đây của Trung Quốc có sản lượng đứng đầu thế giới (2004)?

**A.** Bông(sợi). **B.** Hồ tiêu. **C.** Ca phê. **D.** Mía.

**Câu 11:** Phần lớn Đông Nam Á lục địa có khí hậu

**A.** ôn đới gió mùa. **B.** xích đạo.

**C.** cận nhiệt đới. **D.** nhiệt đới gió mùa.

**Câu 12:** Trung Quốc thực hiện chính sách dân số triệt để đã gây nên tác động tiêu cực nào sau đây?

**A.** Dân cư phân bố không đều. **B.** Mất cân bằng giới tính.

**C.** Tỉ lệ dân thành thị tăng. **D.** Kinh tế phát triển chậm.

**Câu 13:** Khí hậu nóng ẩm,hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc giúp Đông Nam Á phát triển

**A.** nền nông nghiệp nhiệt đới. **B.** du lịch sông nước, miệt vườn.

**C.** ngành nuôi trồng thủy sản. **D.** ngành trồng cây lúa nước.

**Câu 14:** Cho bảng số liệu:

**Tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo giá hiện hành của một số quốc gia** *(Đơn vị:USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** |
| Bru-nây | 34 852,0 | 30 555,0 |
| Cam-pu-chia | 783,0 | 1 159,0 |
| Lào | 9 069,0 | 9 768,0 |
| Mi-an-ma | 2 145,0 | 2 904,0 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về so sánh tổng sản phẩm trong nước bình quân đầu người theo giá hiện hành giữa các quốc gia qua hai năm đã cho?

**A.** Lào tăng nhanh hơn Mi-an-ma.

**B.** Bru-nây tăng nhanh hơn Lào.

**C.** Cam-pu-chia tăng chậm hơn Mi-an-ma.

**D.** Lào tăng chậm hơn Mi-an-ma.

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây thể hiện khái quát nhất mục tiêu của ASEAN?

**A.** Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục của các nước thành viên.

**B.** Đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.

**C.** Giải quyết những khác biệt nội bộ trong mối quan hệ giữa các nước ASEAN .

**D.** Xây dựng Đông Nam Á trở thành một khu vực hòa bình, có nền kinh tế phát triển.

**II.Phần tự luận:**

**Câu 1.( 2 điểm)** Trình bày về đặc điểm vị trí địa lí và lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á? Nêu ý nghĩa của vị trí địa lý? .

**Câu 2: ( 3 điểm).** Dựa vào bảng số liệu sau đây:

**GDP của Trung Quốc, Nhật Bản và thế giới giai đoạn 1980 – 2016**

(Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **1980** | **1990** | **2010** | **2015** | **2016** |
| Trung Quốc | 302,942 | 396,563 | 6005,25 | 10982,83 | 11383,03 |
| Nhật Bản  | 1086,99 | 3104,39 | 5498,72 | 4391,79 | 4328,47 |
| Thế giới | **11097,48** | **22302,99** | **65571,21** | **73179,95** | **73363,85** |

a/ Tính tỉ trọng GDP của Trung Quốc và Nhật Bản so với thế giới qua các năm đã cho ở trên?

 *(làm tròn đến 1 số lẻ)*

b/ Nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng GDP của Trung Quốc và Nhật Bản qua các năm từ 1980 đến 2016 ?

c/ Giải thích nguyên nhân sự phát triển của nền công nghiệp của Trung Quốc từ sau hiện đại hóa?

-----------------------------------------------

----------- HẾT ----------

**ĐÁP ÁN CÁC MÃ ĐỀ TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA Ý 11 - HỌC KỲ 2 – NĂM HỌC 2018- 2019**

**1 câu = 0,33 điểm. 3 câu = 1 đi**ểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã**  | **Câu** | **ĐA** |
| **702** | **1** | **A** |
| **702** | **2** | **A** |
| **702** | **3** | **B** |
| **702** | **4** | **D** |
| **702** | **5** | **A** |
| **702** | **6** | **C** |
| **702** | **7** | **C** |
| **702** | **8** | **D** |
| **702** | **9** | **C** |
| **702** | **10** | **A** |
| **702** | **11** | **D** |
| **702** | **12** | **B** |
| **702** | **13** | **A** |
| **702** | **14** | **D** |
| **702** | **15** | **B** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM PHẦN TỰ LUẬN.**

**MÔN ĐỊA LÝ 11 HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2018-2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  |  | **2 điểm** |
| Đặc điểm |  - Nằm ở Đông Nam Châu Á  | 0,25 |
| * Giáp Thái bình Dương và Ấn Độ Dương
 | 0,25 |
| * Diện tích : 4,5 triệu km2. Lãnh thổ bao gồm một hệ thống các bán đảo, các đảo và quần đảo đan xen giữa các vịnh biển
 | 0,5 |
| \* Ý nghĩa |  - Là cầu nối giữa lục địa Á – Âu  | 0,25 |
| * Có vị trí địa chính trị quan trọng, là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn
 | 0,5 |
| * Là nơi các cường quốc cạnh tranh ảnh hưởng
 | 0,25 |
| **2** |  |  | **3 điểm** |
| Tính | HS ghi lại kết quả hoặc kẻ bảng như sau : HS làm tròn 1 (hoặc 2 chữ số) lẻ đều được. Nếu tính đúng Mỗi quốc gia đúng một năm được 0,1 điểm)Cơ cấu GDP của Trung Quốc và Nhật Bản giai đoạn 1980 – 2016 (Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **1980** | **1990** | **2010** | **2015** | **2016** |
| Trung Quốc | **2,7** | **1,8** | **9,2** | **15,0** | **15,5** |
| Nhật Bản  | **9,8** | **13,9** | **8,4** | **6,0** | **5,9** |
| Thế giới | **100** | **100** | **100** | **100** | **100** |

 | 1,0 điểm |
| Nhận xét: |  | 1 điểm |
| Tỉ trọng GDP của Trung Quốc:  |  |
|  - từ 1980 đến 1990 giảm (d/c).  | 0,25 |
|  - từ 1990 đến 2016 liên tục tăng và tăng nhanh ( d/c)  | 0,25 |
| Tỉ trọng GDP của Nhật Bản: |  |
|  - từ 1980 đến 1990 tăng (d/c)  | 0,25 |
|  - từ 1990 đến 2016 liên tục giảm và giảm mạnh ( d/c)  | 0,25 |
| **Nếu không có dẫn chứng số liệu thì chỉ cho ½ số điểm.** |  |
| Giải thích |  Nguyên nhân làm cho nền công nghiệp Trung Quốc phát triển từ sau công cuộc hiện đại hóa đến nay là do: | 1 điểm |
| - Chuyển từ nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường, các xí nghiệp được chủ động trong sản xuất và tìm thị trường tiêu thụ  | 0,25 |
| - Thực hiện chính sách mở cửa, tăng cường trao đổi với thị trường thế giới  | 0,25 |
| - Xây dựng các đặc khu kinh tế, khu chế xuất, thu hút đầu tư nước ngoài. | 0,25 |
| - Chủ động đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao cho công nghiệp.  | 0,25 |

 *Học sinh có thể trình bày không theo thứ tự đáp án, nhưng đúng vẫn cho điểm.*